

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2018/DS-ST

Ngày: 26-7-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Tiêu Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/DSST ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2018/QĐXX- DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 219/2018/QĐST- DS ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T; Trụ sở: Tầng 2 tòa nhà R, số 9 đường B, phường D, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:

Ông G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông V, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 26 đường Đào Duy Anh, Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số: 635/UQTT-QTRR.17 ngày 29/9/2017).

Bị đơn: Bà T, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 93/13/24 đường D, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn ông V trình bày:

Ngày 24 tháng 9 năm 2015, bà L có ký hợp đồng tín dụng số 20150930-500000-0232 với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T (Gọi tắt là Công ty) để vay số tiền 30.595.000 đồng, lãi suất 3.75%/tháng. Hàng tháng bà L phải trả 1.563.000 đồng thời hạn vay là 36 tháng bắt đầu từ ngày 01/11/2015, mục đích vay là để tiêu dùng, hình thức tín chấp, không có tài sản thế chấp bảo đảm. Theo thỏa thuận tại hợp đồng bà L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền 56.371.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) trả chậm trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.563.000 đồng. Tháng cuối cùng trả 1.666.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 01/11/2015.

Thực hiện hợp đồng bà L đã nhận đủ số tiền và đã thanh toán cho Công ty 9 lần tổng cộng số tiền là 14.067.000 đồng, trong đó tiền gốc đã trả là 4.302.991 đồng và tiền lãi đã trả là 9.764.009 đồng. Kể từ 11/11/2016 cho đến nay bà L không thanh toán bất cứ khoản tiền nào mặc dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng bà L vẫn không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận theo hợp đồng. Vì vậy, Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L trả khoản tiền bao gồm: trả toàn bộ khoản nợ gốc còn lại : 26.292.009 đồng và trả khoản nợ lãi tới hạn là 14.113.954 đồng. Tổng cộng bà L phải thanh toán cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T là 40.405.963 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bà L không tự nguyện thi hành án đúng hạn thì bà L còn phải thanh toán thêm tiền lãi chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng trên toàn bộ số tiền gốc trả chậm cho đến ngày thanh toán xong cho Công ty.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 7 năm 2018, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà L trả khoản tiền bao gồm: trả toàn bộ khoản nợ gốc còn lại: 26.292.009 đồng và trả khoản nợ lãi tới hạn là 15.669.717 đồng. Tổng cộng bà L phải thanh toán cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T là 41.961.726 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bà L không tự nguyện thi hành án đúng hạn thì bà L còn phải thanh toán thêm tiền lãi chậm trả theo lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015 trên toàn bộ số tiền gốc cho đến ngày thanh toán xong cho Công ty.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập bà L đến Tòa án để lấy lời khai nhưng bà L không đến Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi công tác của bà L là Công ty dịch vụ Công ích quận G nhưng bà L đã nghỉ việc. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bà L tại địa chỉ số 93/13/24, đường D, phường H,

quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện bà L hộ khẩu thường trú tại số 93/13/24, đường Nguyễn Du, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên, do đó Tòa án niêm yết cho bà L tại địa chỉ số 93/13/24, đường Nguyễn Du, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử vắng mặt bà L.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà L hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T do ông V là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên ông vẫn giữ yêu cầu buộc bà L phải trả cho Công ty số tiền nợ gốc còn thiếu phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 20150930-500000-0232 ngày 24/9/2015, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2018) là 41.961.726 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bà L không tự nguyện thi hành án đúng hạn thì bà L còn phải thanh toán thêm tiền lãi chậm trả theo lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015 trên toàn bộ số tiền gốc cho đến ngày thanh toán xong cho Công ty.

Bà L là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà L phải trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền là 41.961.726 đồng. Thanh toán trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp bà L không tự nguyện thi hành án đúng hạn thì bà L còn phải thanh toán thêm tiền lãi chậm trả theo lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015 trên toàn bộ số tiền gốc cho đến khi thanh toán xong cho Công ty.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn lại tiền nộp án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện bị đơn bà L về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 20150930-500000-0232 ngày 24/9/2015 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn bà L có nơi cư trú tại số 93/13/24, đường Nguyễn Du, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng : Bị đơn bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nợ gốc:

Căn cứ vào đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20150930-500000-0232 ngày 24/9/2015 đã ký giữa Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T với bà L cũng như trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngay sau khi ký hợp đồng bà L đã nhận đủ tiền vay là 30.595.000 đồng, bà đã thanh toán cho Công ty được 9 lần với số tiền nợ gốc là 4.302.991 đồng còn lại 26.292.009 đồng chưa thanh toán cho Công ty. Tuy nhiên từ ngày 11/11/2016 cho đến nay bà L không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T. Theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký bà L phải thanh toán cho Công ty 36 kỳ, như vậy bà L đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết. Vì vậy yêu cầu của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T buộc bà L phải trả số tiền nợ gốc là 26.292.009 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày

17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 15.669.717 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tiền lãi suất chậm thi hành án:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn bà L không tự nguyện thi hành án đúng hạn thì bà L còn phải thanh toán thêm tiền lãi chậm trả theo lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015 trên toàn bộ số tiền gốc cho đến khi thanh toán xong cho Công ty. Xét thấy việc yêu cầu của Nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện và lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thấp hơn lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về số tiền lãi chậm thi hành án.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 929.153 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 41.961.726 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí là 2.098.086 đồng.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010, hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà L có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền 41.961.726 đồng, trong đó: nợ gốc còn lại : 26.292.009 đồng và trả khoản nợ lãi tới hạn là 15.669.717 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà L chưa thanh toán số tiền nợ gốc trên cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T thì hàng tháng bà L còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.098.086 đồng (Hai triệu không trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám mươi sáu) đồng.

Hoàn lại số tiền 929.153(Chín trăm hai mươi chín nghìn một trăm năm mươi ba) đồng tiền tạm nộp án phí cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T theo biên lai thu số AA/2017/0028424 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận G;
- Chi cục THA dân sự Q G;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Tưởng Công Sơn**